

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2322/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị H
- Ông Chu Mạnh Tường

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1651/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2021, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2777/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 3493/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số nhà 56/1/1 Đường X, Khu phố Y, phường T2, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Bà Hoàng Đặng Liên H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số nhà 40/2 Đường X, Khu phố H, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2021 và lời trình bày của ông Nguyễn Văn T1:

Ông và bà Hoàng Đặng Liên H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 02/6/2009. Cuộc sống chung của vợ chồng thường xảy ra bất hòa do tính cách bà H ngang bướng, thiếu chín chắn trong ứng xử với gia đình chồng gây mâu thuẫn. Ông đã cố gắng khuyên nhủ bà H thay đổi, tuy nhiên chỉ hòa thuận được một thời gian bà H lại thường xuyên đi chơi với bạn bè, không chăm lo làm ăn và không chia sẻ trách

nhệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung với ông. Sự thiếu trách nhiệm của bà H khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã, rạn nứt tình cảm. Tháng 6/2015 bà H tự ý dọn về nhà cha mẹ ruột sống, không thông báo cho ông và cha mẹ ông biết. Vì sợ ảnh hưởng tâm lý của con nhỏ, ông đã nhiều lần khuyên nhủ bà H quay về chung sống nhưng bà H không đồng ý. Đến nay vợ chồng không còn khả năng hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà Hoàng Đặng Liên H.

Con chung: có ba con chung tên Nguyễn Hoàng GP, sinh ngày 30/6/2010; Nguyễn Hoàng GH, sinh ngày 17/10/2012 và Nguyễn Hoàng GT, sinh ngày 26/11/2014. Ông yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ bà Hoàng Đặng Liên H đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T1 giữ nguyên yêu cầu ly hôn bà Hoàng Đặng Liên H. Bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T1 được ly hôn bà Hoàng Đặng Liên H. Giao các con chung tên Nguyễn Hoàng GP, Nguyễn Hoàng GH và Nguyễn Hoàng GT cho ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn”. Do bị đơn cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 02/6/2009 của Ủy ban nhân dân phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T1 và bà Hoàng Đặng Liên H là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bà H đối với yêu cầu khởi kiện của ông T1.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông T1 và bà H không còn khả năng hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến nay ông T1 yêu cầu ly hôn và bà H vắng mặt, không có ý kiến thể hiện thiện chí mong muốn đoàn tụ. Vì vậy yêu cầu ly hôn của ông T1 là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của ông T1 phù hợp với bản sao các giấy khai sinh số 110 ngày 05/7/2010, số 247 ngày 02/11/2012, số 227/2014 ngày 02/12/2014 của Ủy ban nhân dân phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đủ căn cứ xác định ông T1 và bà H có ba con chung tên Nguyễn Hoàng GP, Nguyễn Hoàng GH và Nguyễn Hoàng GT.

Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Ông T1 có yêu cầu trực tiếp nuôi con, bà H vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con. Căn cứ yêu cầu của ông T1 và nguyện vọng của con được sống chung với cha, ông T1 đủ điều kiện tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con nên cần giao con cho ông T1 tiếp tục nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông T1 không yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Ông T1 xác định không có nợ chung.

[3] Án phí hôn nhân sơ thẩm: ông T1 phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1 về việc “Ly hôn” đối với bà Hoàng Đặng Liên H;

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn T1 được ly hôn bà Hoàng Đặng Liên H.

1.2. Con chung: Giao con Nguyễn Hoàng GP (nam), sinh ngày 30/6/2010; Nguyễn Hoàng GH (nam), sinh ngày 17/10/2012 và Nguyễn Hoàng GT (nam), sinh ngày 26/11/2014 cho ông Nguyễn Văn T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của T1 không yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Hoàng Đặng Liên H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

1.3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0024843 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Tp.T;
- CCTHADS Tp.T;
- Đương sự;
- UBND phường B;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh